

Giáo dục giới tính và tình dục toàn diện trong môn Sinh học cấp Trung học phổ thông

Dương Quang Ngọc

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm,
Hà Nội, Việt Nam
Email: duongquangngoc@gmail.com

TÓM TẮT: Chương trình môn Sinh học cấp Trung học phổ thông có những nội dung về virus gây bệnh, tuổi dậy thì, tránh thai và bệnh tật, sinh sản ở động vật, di truyền giới tính... Do vậy, môn học có cơ hội để giáo dục giới tính và tình dục toàn diện cho học sinh. Ngoài đặc điểm môn học đã có thuận lợi để giáo dục giới tính và tình dục toàn diện thì việc vận dụng các phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học trong thiết kế bài học là một khâu then chốt góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục giới tính tình dục toàn diện cho học sinh.

TỪ KHÓA: Giáo dục giới tính; giáo dục tình dục toàn diện; Sinh học.

→ Nhận bài 28/02/2021 → Nhận bài đã chỉnh sửa 13/3/2021 → Duyệt đăng 05/7/2021.

1. Đặt vấn đề

Theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 về Đổi mới chương trình (CT), sách giáo khoa (SGK) giáo dục phổ thông (GDPT): “Mục tiêu GDPT là tập trung phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, ...” [1]. Chỉ thị về nhiệm vụ chủ yếu năm học 2018 - 2019 nhấn mạnh: “Tăng cường giáo dục (GD) tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, văn hóa ứng xử trong nhà trường; xây dựng môi trường GD an toàn, lành mạnh, thân thiện” [2].

Để có được một cuộc sống an toàn, hiệu quả trong một thế giới mà HIV/AIDS, các bệnh lây truyền qua đường tình dục (STI), có thai ngoài dự định, bạo lực trên cơ sở giới và bất bình đẳng giới vẫn gây ra những nguy hại nghiêm trọng đối với sức khỏe của các em thì GD giới tính (GDGT) và tình dục toàn diện (TDTD) đóng vai trò cốt lõi trong quá trình chuẩn bị hành trang cho học sinh (HS). Ngay cả khi gần đến tuổi trưởng thành, nhiều em phải đối mặt với các thông điệp tiêu cực, mâu thuẫn và không rõ ràng về giới tính và tình dục. Những thông điệp này bị làm trầm trọng thêm bởi sự im lặng và xấu hổ từ phía người lớn, trong đó có cả cha mẹ và giáo viên (GV).

Môn Sinh học có nhiều lợi thế trong GDGT TDTD bởi đặc thù môn học có nội dung liên quan như: virus gây bệnh; tuổi dậy thì, tránh thai và bệnh tật; sinh sản ở động vật; di truyền giới tính. Do vậy, lồng ghép GDGT TDTD trong môn Sinh học giúp HS hình thành các kiến thức, thái độ và kỹ năng về giới tính và tình dục một cách đúng đắn và phù hợp với lứa tuổi, góp phần xây dựng các mối quan hệ an toàn, lành mạnh và tích cực. GDGT TDTD giúp HS suy ngẫm về các chuẩn mực xã hội, giá trị văn hoá và quan niệm truyền thống để hiểu rõ và kiểm soát tốt hơn các mối quan hệ với bạn bè đồng lứa, cha mẹ, GV, những người lớn tuổi khác và rộng ra là cộng đồng nơi các em sinh sống.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Mục tiêu giáo dục giới tính tình dục toàn diện trong môn Sinh học

Sau khi học xong, HS có khả năng:

- Liệt kê được các con đường lây truyền HIV;
- Phân tích được các nguyên nhân và tác động của định kiến, phân biệt đối xử đối với người sống hoặc bị nhiễm HIV/AIDS;
- Nêu được những nơi các cá nhân có thể kiểm tra HIV và tiếp cận các dịch vụ khác, bao gồm PrEP và PEP một cách an toàn và đảm bảo bí mật;
- Phân tích được vai trò của hormone đối với những thay đổi về thể chất và tâm lý trong cuộc đời mỗi người;
- Phân tích được việc phá thai không an toàn sẽ gây ra rủi ro lớn về sức khỏe đối với phụ nữ và trẻ em gái;
- Nêu được bất bình đẳng giới có thể tác động tới hành vi tình dục và khả năng đưa ra lựa chọn an toàn và thực hiện theo lựa chọn đó.
- Đánh giá được những lợi ích và thách thức của hôn nhân và làm bố, làm mẹ; các yếu tố ảnh hưởng tới quan điểm của riêng mình về quyết định có con hay không, tại sao và khi nào thì có con;
- Liệt kê được các phương pháp giúp người bị vô sinh có con;
- Nhận thức được mỗi người đều có thể làm bố/làm mẹ, bất kể giới, trạng thái HIV, xu hướng tính dục hoặc bản dạng giới;
- Đề xuất một số cách truyền thông góp phần tích cực thúc đẩy hành vi tình dục an toàn hơn, tránh một số bệnh do virus gây ra;
- Vận động cho quyền của người sống với HIV, sống một cuộc sống không bị phân biệt đối xử và định kiến;
- Ý thức được việc cô lập hoặc đuổi học một trẻ em gái vị thành niên đang mang thai khi em còn đang đi học là hành vi vi phạm quyền con người;
- Ý thức được việc cô lập và phân biệt đối xử với các

nhóm trong xã hội làm tăng khả năng họ mắc HIV và các bệnh STD;

- Thể hiện sự cảm thông đối với những người muốn có con nhưng vô sinh.

2.2. Nội dung giáo dục giới tính tình dục toàn diện trong môn Sinh học

Căn cứ vào nội dung Chương trình môn Sinh học, các nội dung về GDGT TDTD được thể hiện ở các lĩnh vực và chủ đề cụ thể sau:

Lĩnh vực: Nhận thức về giới.

Chủ đề: Khuôn mẫu giới, định kiến giới, bình đẳng giới.

Lĩnh vực: Tính dục và hành vi tình dục.

Chủ đề: Xu hướng tính dục và hành vi tình dục.

Lĩnh vực: Các mối quan hệ.

Chủ đề: Hôn nhân và làm bố/làm mẹ.

Lĩnh vực: Cơ thể con người và sự phát triển của cơ thể con người.

Chủ đề: Đặc điểm giải phẫu và chức năng sinh lí của hệ sinh dục.

Chủ đề: Tuổi dậy thì.

Chủ đề: Sinh sản.

Lĩnh vực: Sức khỏe tình dục và sinh sản.

Chủ đề: Mang thai và biện pháp tránh thai.

Chủ đề: Định kiến, chăm sóc, chữa trị và hỗ trợ người mắc HIV/AIDS.

Chủ đề: Nhận thức, nhận diện và giảm thiểu rủi ro mắc STDs và HIV.

2.3. Phương pháp giáo dục giới tính tình dục toàn diện trong môn Sinh học

Trong quá trình dạy học môn Sinh học, GV cần kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống với các phương pháp dạy học hiện đại. Một số phương pháp dạy học và kỹ thuật dạy học tích cực đã được đưa vào chương trình bồi dưỡng GV thực hiện chương trình và SGK mới, như: Dạy học khám phá; Dạy học giải quyết vấn đề; Dạy học theo dự án; Thảo luận nhóm; Phương pháp đóng vai; Phương pháp sử dụng bài tập tình huống; Tiểu phẩm; Tổ chức các cuộc thi,... Đây cũng là những phương pháp được sử dụng có hiệu quả trong GDGT TDTD cho HS.

GDGT TDTD trong môn Sinh học cần kết hợp các hình thức dạy học theo hướng linh hoạt, phù hợp, hiệu quả như: Dạy học theo lớp, theo nhóm và cá nhân; Dạy học ở trong lớp và ở ngoài lớp, ngoài khuôn viên nhà trường; Tăng cường thực hành, rèn luyện kỹ năng trong các tình huống cụ thể của đời sống; Tích cực sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại nhằm đa dạng, cập nhật thông tin, tạo hứng thú cho học sinh; Phối hợp giáo dục trong nhà trường với giáo dục ở gia đình và xã hội.

2.4. Đánh giá giáo dục giới tính tình dục toàn diện trong môn Sinh học

GDGT TDTD được lồng ghép trong môn học. Vì vậy, định hướng việc đánh giá kết quả học tập của HS cần phải dựa trên yêu cầu cần đạt đối với lĩnh vực GDGT TDTD đã được xác định trong chương trình, đồng thời căn cứ vào đặc thù môn học và cách thức kiểm tra, đánh giá của môn học.

Những nội dung đánh giá GDGT TDTD:

- Đánh giá nhận thức của HS về GDGT TDTD;
- Đánh giá các kỹ năng của HS về GDGT TDTD;
- Đánh giá thái độ của HS về GDGT TDTD.

Hình thức đánh giá GDGT TDTD:

- Đánh giá thông qua bài viết: bài tự luận, bài trắc nghiệm khách quan, bài tập tình huống, bài tiểu luận, báo cáo thu hoạch, ...

- Đánh giá thông qua câu hỏi vấn đáp, phỏng vấn, thuyết trình, hùng biện, ...

- Đánh giá thông qua quan sát: quan sát thái độ, hoạt động của học sinh qua bài thực hành thí nghiệm, thảo luận nhóm, học ngoài thực địa, tham quan các trường hợp điển hình, thực hiện dự án vận dụng kiến thức vào thực tiễn, ... bằng một số công cụ như sử dụng bảng quan sát, bảng kiểm, hồ sơ học tập, ...

2.5. Hướng dẫn thiết kế và kế hoạch bài học minh họa

Khi thiết kế kế hoạch bài học, cần tuân thủ trình tự các bước sau:

Bước 1: Xác định khả năng lồng ghép GDGT TDTD của bài học.

Để xác định được khả năng lồng ghép GDGT TDTD cần xem xét nội dung chủ đề và yêu cầu cần đạt của nội dung chủ đề trong chương trình.

Bước 2: Xác định mục tiêu GDGT TDTD trong bài học.

Để xác định được mục tiêu của mỗi bài học cần căn cứ vào các yêu cầu cần đạt của chủ đề trong chương trình và các yêu cầu cần đạt về GDGT TDTD. Mục tiêu cần được thể hiện bằng các động từ có thể định lượng được, ví dụ như: nêu được..., trình bày được..., giải thích được..., thực hiện được...

Bước 3: Xác định nội dung, phương pháp, phương tiện và học liệu GDGT TDTD trong bài học.

Căn cứ vào mục tiêu bài học để xác định các nội dung dạy học cho phù hợp. Từ đó xác định các phương pháp, phương tiện và học liệu dạy học nhằm chuyển tải và đáp ứng được mục tiêu, nội dung dạy học.

Bước 4: Thiết kế các hoạt động dạy học lồng ghép GDGT TDTD.

Để đáp ứng mục tiêu phát triển năng lực, GV cần thiết kế các hoạt động học tập theo trình tự:

- Khởi động: Tạo tâm thế vui vẻ, thoải mái cho HS; làm bộc lộ những hiểu biết, quan niệm sẵn có của HS,

tạo mối liên tưởng giữa kiến thức đã có với kiến thức mới cần/sẽ lĩnh hội trong bài học mới; kích thích sự tò mò, muốn tìm hiểu bài học mới của HS; HS xác định được nhiệm vụ của mình trong bài học mới.

- Khám phá: Thông qua các hoạt động học tập, HS lĩnh hội được kiến thức, kỹ năng mới; đưa kiến thức, kỹ năng mới tiếp thu được vào hệ thống kiến thức (tri thức), kỹ năng của bản thân.

- Luyện tập: HS nhìn nhận, đánh giá lại kiến thức, kỹ năng vừa hình thành, điều chỉnh (nếu cần) để hiểu biết đầy đủ hơn, đúng đắn hơn và chắc chắn hơn; đưa kiến thức, kỹ năng mới tiếp thu vào hệ thống kiến thức, kỹ năng của bản thân.

- Vận dụng: HS vận dụng tri thức, kỹ năng của bản thân vào giải quyết các tình huống tương tự trong học tập, trong cuộc sống.

Bước 5: Thiết kế các công cụ, bài tập đánh giá kết quả GDGT TDTD sau bài học.

Công cụ đánh giá GDGT TDTD trong môn Sinh học có thể là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan, bài tập tình huống, bài tập tự đánh giá thông qua bảng kiểm, ...

Kế hoạch bài học minh họa

Chủ đề: **Virus gây bệnh**

Thời lượng: 2 tiết - Lớp 10

Mục tiêu chủ đề

Học xong chủ đề này, HS có thể:

Trình bày được phương thức lây truyền một số bệnh do virus ở người, thực vật và động vật (HIV, SARS-CoV-2, cúm, sởi,...) và cách phòng chống;

Thực hiện được dự án hoặc đề tài điều tra một số bệnh do virus gây ra và tuyên truyền phòng chống bệnh;

Vận động cho quyền của mọi người, trong đó có người sống với HIV, sống một cuộc sống không bị phân biệt đối xử và định kiến;

Đề xuất được một số cách truyền thông góp phần tích cực thúc đẩy hành vi tình dục an toàn hơn, tránh một số bệnh do virus gây ra;

Áp dụng các kỹ năng giao tiếp, đàm phán và từ chối để chống lại áp lực tình dục không mong muốn và áp dụng các chiến lược quan hệ tình dục an toàn.

Chuẩn bị của GV và HS

* Chuẩn bị của GV:

Tranh ảnh hoặc video về các loại virus kí sinh ở vi sinh vật, thực vật, động vật và con người.

Phiếu học tập về các loại virus kí sinh.

Thiết kế dự án một số bệnh do virus gây ra và tuyên truyền phòng chống bệnh.

* Chuẩn bị của HS: Các phương tiện để thực hiện dự án: máy ảnh; máy tính; các loại phiếu phỏng vấn, điều tra về bệnh do virus.

Phương pháp dạy học: Dạy học hợp tác; dạy học dự án.

Gợi ý các hoạt động dạy học

A. Khởi động

- GV yêu cầu HS viết ra giấy những hiểu biết của em về virus.

- HS làm việc theo nhóm hoặc cá nhân, đại diện trình bày.

- GV nhận xét và tóm gọn chung về virus sau đó vào chủ đề.

B. Khám phá

Hoạt động 1: Tìm hiểu vai trò và tác hại của virus

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm về vai trò và tác hại của virus trong thực tiễn, ghi lại các ý kiến thảo luận vào giấy.

- GV phát cho các nhóm HS phiếu học tập có bảng về các tác hại của virus trong thực tiễn, yêu cầu HS xem video hoặc tranh ảnh về virus kí sinh ở vi sinh vật; thực vật; côn trùng; động vật và con người để hoàn thành phiếu học tập.

Phiếu học tập: Hãy quan sát tranh ảnh/video về tác hại gây bệnh của virus và hoàn thành bảng sau (Hoạt động nhóm 4-5 HS).

Loại virus	Kí sinh ở vi sinh vật	Kí sinh ở thực vật	Kí sinh ở côn trùng	Kí sinh ở con người và động vật
Đặc điểm				
Tác hại				
Phòng tránh				
Ví dụ				

- HS tự so sánh phiếu học tập đã hoàn thành với các ý kiến thảo luận ban đầu của nhóm và tự đánh giá những gì đã học được.

Hoạt động 2: Thực hiện dự án “Một số bệnh do virus gây ra và tuyên truyền phòng chống bệnh”

Nội dung	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Bước 1. Lập kế hoạch (Thực hiện trên lớp)		
Nêu tên dự án	- Nêu tình huống có vấn đề về bệnh truyền nhiễm và miễn dịch để dẫn đến tên dự án.	- Nhận biết chủ đề dự án.

Nội dung	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Xây dựng các tiêu chủ đề/ý tưởng	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức cho HS phát triển ý tưởng, hình thành các tiêu chủ đề. - Thống nhất ý tưởng và lựa chọn các tiêu chủ đề. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động nhóm, chia sẻ các ý tưởng. - Cùng GV thống nhất các tiêu chủ đề nhỏ. + Tìm hiểu dịch bệnh Covid 19. + Tìm hiểu bệnh HIV/AIDS + Tìm hiểu bệnh Sởi + Tìm hiểu bệnh Cúm.
Lập kế hoạch thực hiện dự án.	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS nêu các nhiệm vụ cần thực hiện của dự án. - GV gợi ý bằng các câu hỏi về nội dung cần thực hiện. + Nguyên nhân gây bệnh là gì? + Tình hình bệnh hiện nay như thế nào? + Triệu chứng bệnh + Các con đường lây truyền + Các biện pháp phòng và điều trị + Miễn dịch là gì? + Các loại miễn dịch - Từ đó gợi ý cho HS các nhiệm vụ cần thực hiện. 	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ vào chủ đề học tập và gợi ý của GV, HS nêu ra các nhiệm vụ phải thực hiện. - Thảo luận và lên kế hoạch thực hiện nhiệm vụ (Nhiệm vụ; Người thực hiện; Thời lượng; Phương pháp, phương tiện; Sản phẩm). + Thu thập thông tin. + Điều tra, khảo sát hiện trạng (hoặc tìm hiểu thông tin ở trạm y tế). + Thảo luận nhóm để xử lý thông tin + Viết báo cáo. + Lập kế hoạch tuyên truyền.
Bước 2: Thực hiện kế hoạch dự án và xây dựng sản phẩm (2 tuần) (Hoạt động vào thời gian ngoài giờ trên lớp)		
<ul style="list-style-type: none"> - Thu thập thông tin - Điều tra, khảo sát hiện trạng 	<ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ các nhóm (xây dựng câu hỏi phỏng vấn, câu hỏi trong phiếu điều tra, cách thu thập thông tin, kỹ năng giao tiếp...). 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch.
<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận nhóm để xử lý thông tin và lập dàn ý báo cáo - Hoàn thành báo cáo của nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi, giúp đỡ các nhóm (xử lý thông tin, cách trình bày sản phẩm của các nhóm). 	<ul style="list-style-type: none"> - Từng nhóm phân tích kết quả thu thập được và trao đổi về cách trình bày sản phẩm. - Xây dựng báo cáo sản phẩm của nhóm.
Bước 3: Báo cáo kết quả và nêu ý tưởng về chiến lược tuyên truyền phòng tránh và điều trị các bệnh do virus gây nên (Thực hiện trên lớp)		
Báo cáo kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả và phản hồi - Gợi ý các nhóm nhận xét, bổ sung cho các nhóm khác. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm báo cáo kết quả. - Trình chiếu Powerpoint. - Trình chiếu dưới dạng các file video. - Các nhóm tham gia phản hồi về phần trình bày của nhóm bạn. - HS trả lời câu hỏi dựa vào các kết quả thu thập được từ mỗi nhóm và ghi kiến thức cần đạt vào vở.
Nhìn lại quá trình thực hiện dự án	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các nhóm đánh giá, tuyên dương nhóm, cá nhân. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau.
Nêu ý tưởng về chiến lược tuyên truyền phòng tránh và điều trị các bệnh truyền nhiễm ở địa phương	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS nêu ý tưởng các nhóm. - GV cho các nhóm thảo luận và lựa chọn một ý tưởng tốt nhất, phù hợp nhất với điều kiện. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm trưởng báo cáo kết quả tổng hợp ý tưởng về chiến dịch tuyên truyền ở địa phương.

C. Luyện tập - Vận dụng

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm để tìm và nêu các virus gây bệnh ảnh hưởng đến sức khỏe sinh sản ở người, tác hại và cách phòng tránh các virus đó.

D. Đánh giá

Bài tập thực tiễn

HIỂU VỀ ĐẠI DỊCH HIV

(Nguồn: <http://unaid.org.vn/hieu-ve-dich-hiv/>)

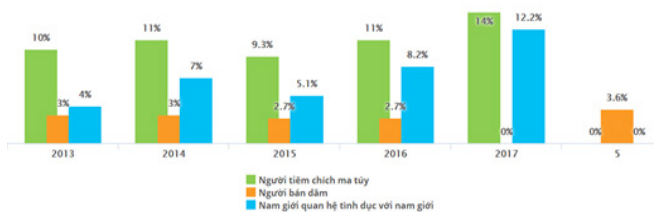
Ước tính số người sống với HIV ở Việt Nam là 230.000 người. Tỷ lệ người nhiễm HIV từ năm 2011-2018 biểu hiện như biểu đồ sau đây (xem Biểu đồ 1).

Số phần trăm dân số là người trưởng thành đang sống với HIV: 0,3%

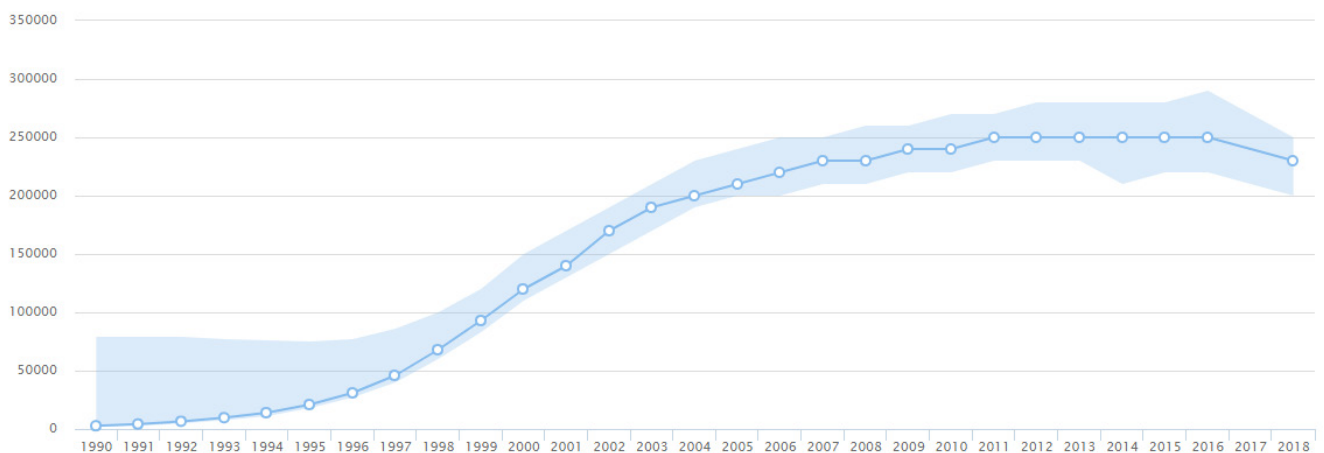
Số người sống với HIV biểu hiện qua biểu đồ sau (xem Biểu đồ 2).

Dịch HIV ở Việt Nam bao gồm nhiều hình thái dịch khác nhau giữa các địa phương trong cả nước và hiện vẫn tập trung chủ yếu trong ba nhóm có hành vi nguy cơ cao đối với lây truyền HIV: người tiêm chích ma túy, nam quan hệ tình dục đồng giới và phụ nữ bán dâm (Cục phòng, chống HIV/AIDS (VAAC), Báo cáo tiến độ về đáp ứng với dịch AIDS ở Việt Nam, 2014).

Việc dùng chung bơm kim tiêm khi tiêm chích ma túy là con đường lây truyền HIV phổ biến nhất ở Việt Nam. Lây truyền HIV qua quan hệ tình dục diễn ra chủ yếu trong nhóm người tiêm chích ma túy và bạn tình thường xuyên của họ, trong nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới, giữa phụ nữ bán dâm và khách mua dâm là nam



Biểu đồ 1: Tỷ lệ người nhiễm HIV (2011-2018)



Biểu đồ 2: Số người sống với HIV

giới, giữa những nam giới mua dâm và bạn tình thường xuyên của họ. Hầu hết các phụ nữ nhiễm HIV cho biết họ bị lây nhiễm từ bạn tình thường xuyên của mình và những người đó hoặc có tiêm chích ma túy hoặc có mua dâm. Số hiện nhiễm HIV trong quần thể dân nói chung ở mức 0,02%.

Đọc đoạn thông tin trên và trả lời các câu hỏi sau:

Câu hỏi 1: Hãy cho biết những nhóm người nào có nguy cơ lây nhiễm HIV cao? Vì sao các đối tượng trong các nhóm trên lại có nguy cơ lây nhiễm HIV cao?

Câu hỏi 2: Tỷ lệ nhiễm HIV ở nhóm người nào cao nhất? Tại sao?

Câu hỏi 3: HIV/AIDS lây truyền qua những con đường nào?

Câu hỏi 4: Tại sao số người sống với HIV ngày càng cao ở Việt Nam?

Câu hỏi 5: Hãy khoanh tròn đúng hoặc sai vào mỗi nhận định sau:

Nhận định	Đúng hoặc sai
Những người tiêm chích ma túy và gái mại dâm thuộc nhóm người có nguy cơ nhiễm HIV cao.	Đúng/sai
Những người cao tuổi có nguy cơ mắc HIV cao hơn những người trẻ tuổi.	Đúng/sai
Bắt tay, ôm hôn người bị nhiễm HIV có khả năng bị lây bệnh.	Đúng/sai
Muối có thể làm lây truyền HIV.	Đúng/sai
Đã có thuốc chữa được bệnh HIV/AIDS.	Đúng/sai
Virus HIV tấn công vào tế bào hồng cầu.	Đúng/sai

Câu hỏi 6: Cần phải có nhận thức và thái độ như thế nào để phòng tránh lây nhiễm HIV/AIDS?

Câu hỏi 7: Hãy đề xuất một số cách truyền thông góp phần tích cực thúc đẩy hành vi tình dục an toàn hơn,

tránh một số bệnh do virus gây ra.

Thang đánh giá

Trong quá trình HS hoạt động nhóm, GV có thể sử dụng thang đo để đánh giá và theo dõi hoạt động nhóm của HS như sau:

Nội dung quan sát	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý
Thảo luận sôi nổi					
Các HS trong nhóm đều tham gia hoạt động					
Kết quả sản phẩm tốt					

Nội dung quan sát	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý
Trình bày sản phẩm tốt					

3. Kết luận

Trong nhà trường, việc GDGT TDTD cho HS trung học là cần thiết và cấp bách để không ai bị bỏ lại phía sau. Chương trình môn Sinh học, với đặc thù của môn học, có nhiều nội dung trong chương trình bản thân nó đã là GDGT TDTD. Vì vậy, cần vận dụng những phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học phù hợp để thiết kế bài học lồng ghép GDGT TDTD tổ chức HS học tập một cách hiệu quả, phù hợp với chuẩn quốc tế.

Tài liệu tham khảo

- [1] Quốc hội, (2014), *Nghị quyết về Đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông*, Số 88/2014/QH13, Hà Nội.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2019), *Chỉ thị về nhiệm vụ và giải pháp năm học 2019 - 2020 của ngành Giáo dục*, Số 2268/CT-BGDĐT, Hà Nội.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (26/12/2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Sinh học* Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- [4] A. Irvin, Quách Thu Trang, (2018), *Báo cáo đánh giá giáo dục sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục trong trường trung học cơ sở và trung học phổ thông ở Việt Nam*.
- [5] Quỹ dân số thế giới, (2003), *Giáo dục giới tính - tình dục và sức khỏe sinh sản*, Hà Nội.
- [6] UNESCO, (2018), *Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật quốc tế về giáo dục giới tính - Cách tiếp cận dựa trên bằng chứng*.

COMPREHENSIVE SEX AND SEXUALITY EDUCATION IN TEACHING BIOLOGY IN HIGH SCHOOLS

Dương Quang Ngọc

The Vietnam National Institute of Educational Sciences
101 Tran Hung Dao, Hoan Kiem, Hanoi, Vietnam
Email: duongquangngoc@gmail.com

ABSTRACT: *The Biology curriculum in high schools includes contents of viruses that cause disease; puberty, contraception and illness; reproduction in animals; and gender genetics, etc. The subject, therefore, has the opportunity to educate students about comprehensive sex and sexuality. In addition to this subject's characteristics which have favorable conditions for comprehensive sex and sexuality education, the application of teaching methods and forms in lesson design is a key factor contributing to improving the effectiveness of comprehensive sex and sexuality education for students.*

KEYWORDS: Sex education; comprehensive sexuality education; Biology.